

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2018

Căn cứ Quyết định số 4864/QĐ-HVCTQG ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Công văn số 544/HVCTQG ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc tuyển sinh và mở lớp cao học năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 4664/QĐ-HVCTQG ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Danh mục các chuyên ngành đúng, phù hợp và các chuyên ngành gần với chuyên ngành tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thực hiện kế hoạch đào tạo sau đại học năm 2018, Học viện Chính trị khu vực I thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2018 như sau:

1. Các chuyên ngành tuyển sinh

Chuyên ngành	Mã số	Tổng chỉ tiêu
Quản lý kinh tế	8340410	36
Kinh tế chính trị	8310102	15
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8229015	31
Triết học	8229001	47

2. Hình thức và thời gian đào tạo

Chính quy không tập trung: 24 tháng.

3. Điều kiện dự thi

3.1. Về đối tượng dự thi:

- Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đang công tác (trong biên chế hoặc ký hợp đồng từ 01 năm trở lên) tại các cơ quan của Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội có hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc xác nhận.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện.

3.2. Về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành gần, chuyên ngành khác với chuyên ngành dự thi phải có chứng chỉ bổ sung kiến thức do Học viện cấp trước khi dự thi (*xem mục 4: Danh mục ngành đào tạo đúng, phù hợp và ngành gần với ngành dự thi tại Thông báo này*).

- Người có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp kèm bản công nhận văn bằng do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

3.3. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

- Người có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành đúng và phù hợp: Được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành gần: Ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự thi.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác (dự thi chuyên ngành Quản lý kinh tế) phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực dự thi.

4. Danh mục ngành đào tạo đúng, phù hợp và ngành gần với ngành dự thi

(Theo Quyết định số 4664/QĐ-HVCTQG ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Danh mục các chuyên ngành đúng, phù hợp và các chuyên ngành gần với chuyên ngành tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ)

Tên chuyên ngành		Các học phần bổ sung
1. Chuyên ngành Quản lý kinh tế (Mã số 8340410)		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Quản lý kinh tế	Không
Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành "Quản trị - Quản lý"* - Các chuyên ngành kinh tế khác; Marketing; Bất động sản; Quản lý nhà nước; Thị trường chứng khoán; Thống kê kinh tế xã hội	1. Khoa học quản lý (30 tiết). 2. Quản lý nhà nước về kinh tế (30 tiết). 3. Chính sách kinh tế (30 tiết).
Chuyên ngành khác	Các ngành khác có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực dự thi.	Ngoài các học phần bổ sung như đối với nhóm chuyên ngành gần, học thêm 01 học phần sau đây: - Kinh tế lượng (30 tiết)
2. Chuyên ngành Triết học (Mã số: 8229001)		
Chuyên	Triết học; Giáo dục chính trị (Chuyên ban	Không

ngành đúng hoặc phù hợp	Triết học); Sư phạm Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học	
Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành thuộc nhóm chuyên ngành "Nhân văn khác"* - Giáo dục chính trị; Giáo dục công dân; Cử nhân chính trị (Chuyên ngành Công tác tôn giáo); Quản lý xã hội; Xây dựng quân đội về chính trị; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Ngữ văn; Việt Nam học; Đông phương học; Châu Á học; Nhân học.	1. Lịch sử tư tưởng Việt Nam (30 tiết) 2. Lịch sử triết học trước Mác (30 tiết) 3. Lịch sử triết học phương Tây hiện đại (30 tiết) 4. Lịch sử triết học phương Đông (30 tiết). 5. Lịch sử triết học phương Tây (30 tiết)
3. Chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Mã số: 8229015)		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử; Sử - Chính trị; Hồ Chí Minh học.	Không
Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành thuộc nhóm "Nhân văn khác"; "Khoa học chính trị"*; "Xã hội học và Nhân học"*; "Khu vực học và văn hóa học"*. - Giáo dục chính trị; Cử nhân chính trị; Giáo dục công dân - Chính trị học phát triển; Việt Nam học; Tâm lý học; Báo chí; Ngữ văn; Công tác tư tưởng.	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (60 tiết). 2. Lịch sử Việt Nam (60 tiết). 3. Phương pháp luận sử học (60 tiết).
4. Chuyên ngành Kinh tế chính trị (Mã số: 8310102)		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Kinh tế chính trị; Giáo dục chính trị (ban Kinh tế chính trị); Cử nhân Chính trị	Không
Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành "Kinh tế học"*; "Khoa học chính trị"* - Giáo dục chính trị; Quản lý nhà nước; Quản lý xã hội; Hành chính học; Chính sách công; - Cử nhân kinh tế; Quản lý kinh tế; Các ngành thuộc nhóm kinh doanh và quản lý; Luật kinh tế; Luật thương mại	1. Kinh tế chính trị về chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh (30 tiết) 2. Kinh tế chính trị về chủ nghĩa tư bản độc quyền (30 tiết). 3. Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh (30 tiết). 4. Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (30 tiết)

*Các nhóm ngành xem tại Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

5.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (*tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi*) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

5.2. Chính sách ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 5.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (*thang điểm 100*) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng 01 điểm (*thang điểm 10*) cho môn cơ bản của chuyên ngành đào tạo.

Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng một đối tượng ưu tiên.

6. Môn thi tuyển

- Thi tuyển 03 môn: Cơ sở, cơ bản, ngoại ngữ (*xem Phụ lục I*)

- Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Học viện thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình đào tạo tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở

được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận và được Giám đốc Học viện công nhận.

7. Điều kiện trúng tuyển

- Thí sinh thuộc diện trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

- Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

+ Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;

+ Người có điểm cao hơn của môn cơ bản;

+ Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

8. Hồ sơ dự thi

Người dự thi tuyển phải nộp hồ sơ có đầy đủ các loại giấy tờ sau đây:

a) Đơn xin đăng ký dự thi (*theo mẫu của Học viện*);

b) Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học; chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu có)

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan (*theo mẫu 2C*);

d) Giấy chứng nhận có đủ sức khỏe học tập của cơ sở y tế;

e) Bản sao công chứng một trong các giấy tờ được ban hành gần nhất sau đây: Quyết định tuyển dụng, hoặc hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm, quyết định tăng lương;

g) Bản sao công chứng các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (*nếu có*)

h) Bản sao quyết định Kết nạp đảng hoặc Thẻ đảng viên

i) 04 ảnh 3 x 4 ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh của thí sinh ở mặt sau ảnh; và 03 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ nơi nhận và số điện thoại của người dự thi.

k) Bản sao giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

9. Nhận hồ sơ dự thi.

- Thời gian nhận hồ sơ đến hết ngày 25/8/2018 (*Hồ sơ không hoàn trả sau khi nộp*)

- Địa điểm nhận hồ sơ dự thi: Ban Quản lý đào tạo, Học viện Chính trị khu vực I, Phòng 304 nhà A5, số 15 đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

- Thông tin chi tiết: Website: www.hcmal.vn ; ĐT: 024.35531544

10. Lệ phí thi tuyển sinh

- Bổ sung kiến thức: 500.000đ/1 tín chỉ.

- Kinh phí ôn thi và thi cao học: Theo quy định của Nhà nước và của Học viện (sẽ có thông báo cụ thể trước khi tổ chức thi tuyển sinh).

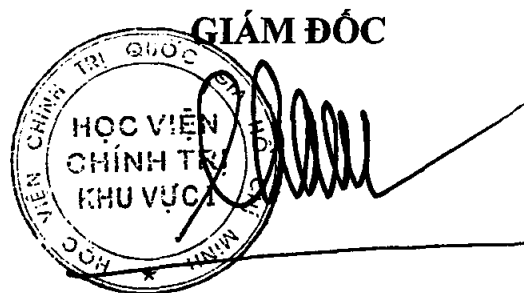
11. Thời gian học bổ sung kiến thức và thi tuyển

- Thời gian mở lớp bổ sung kiến thức thi cao học: Dự kiến từ ngày 05/9/2018.

- Thời gian thi tuyển sinh cao học: Dự kiến ngày 27, 28/10/2018.

Nơi nhận:

- Học viện Chính trị QGHCM (để b/c);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc TƯ;
- Sở Nội vụ tỉnh, TP trực thuộc TƯ
- Trường chính trị tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các Bộ, ngành ở TƯ;
- Các trường ĐH, học viện, các trường ĐT cán bộ;
- Egov, website;
- Lưu: VT, Ban QLĐT. *VT*



Nguyễn Vĩnh Thanh

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC MÔN THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông báo số: 56/TB-HVCTKV I ngày 29 tháng 6 năm 2018
của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực I)

TT	Môn thi	Môn cơ bản	Môn cơ sở	Ngoại ngữ
	Chuyên ngành			
1	Quản lý kinh tế	Kinh tế học	Khoa học quản lý	
2	Kinh tế Chính trị	Triết học Mác-Lênin	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Tiếng Anh trình độ A2
3	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Triết học Mác-Lênin	Lịch sử Việt Nam	
4	Triết học	Triết học Mác-Lênin (dành cho chuyên Triết)	Lịch sử Triết học	

<http://www.hcma.vn/Home/Van-ban-quan-ly-2017/Quy-che-qui-dinh/5238/Quy-et-dinh-so-4664QD-HVCTQG-Ban-hanh-Danh-muc-cac-chuyen-nganh-dung-phu-hop-va-cac-chuyen-nganh-gan-voi-chuyen-nganh-tuyen-sinh-dao-tao-trinh-do-thac-si>